TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày 14-4-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hùng;

Ông Lê Đình Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**:* Ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2022/TLST- DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dư Thị Thanh T, sinh năm 1970; cư trú tại: ấp T1, xã T2, thị xã T3, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1990; cư trú tại: ấp A1, xã T2, thị xã T3, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; cư trú tại: ấp A1, xã T2, thị xã T3, tỉnh Tây Ninh. (có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-7-2022 các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, nguyên đơn bà Dư Thị Thanh T trình bày:

Bà và vợ chồng anh T, chị Kim A là hàng xóm nên quen biết nhau. Bà có làm chủ thảo hụi, chị Kim A có tham gia góp tổng cộng 06 phần hụi của 02 dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, cụ thể như sau:

Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-11-2019 (dương lịch), mãn ngày 10-8-2021 (dương lịch), gồm 22 phần, chị Kim A tham gia 03 phần, theo danh sách hụi thì có số thứ tự 2, 4, 7 tên "Kim Anh", đã hốt phần hụi thứ nhất

vào ngày 10-12-2019 với số tiền 12.570.000 đồng, đã góp 12 lần hụi chết với số tiền 12.000.000 đồng, còn nợ lại 06 lần hụi chết với số tiền 6.000.000 đồng; hốt phần hụi thứ hai vào ngày 10-02-2020 với số tiền 14.160.000 đồng, đóng hụi chết 12 lần với số tiền 12.000.000 đồng, còn nợ lại 6 lần hụi chết với số tiền 6.000.000 đồng và phần hụi thứ ba chị Kim A đã chuyển giao cho mẹ ruột là bà Lê Thị Hồng L, phần hụi này bà không yêu cầu; tổng cộng dây hụi này chị Kim A còn nợ bà số tiền 12.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-02-2020 (dương lịch), mãn ngày 10-11-2022 (dương lịch), (do dịch bệnh nên ngưng hụi 03 tháng từ tháng 8 đến tháng 10-2021), gồm 31 phần, chị Kim A tham gia 03 phần, theo danh sách hụi thì có số thứ tự 3, 5 tên Kim A và số thứ tự 8 tên Út L (là tên mẹ ruột chị Kim A), chị Kim A đã hốt phần hụi thứ nhất vào ngày 10-4-2020 với số tiền 18.960.000 đồng, đã góp 09 lần hụi chết với số tiền 9.000.000 đồng, còn nợ lại 18 lần hụi chết với số tiền 18.000.000 đồng; hốt phần hụi thứ hai vào ngày 10-6-2020 với số tiền 19.350.000 đồng, đã góp 07 lần hụi chết với số tiền 7.000.000 đồng, còn nợ lại 18 lần hụi chết với số tiền 18.000.000 đồng và hốt phần hụi thứ ba vào ngày 10-9-2020 với số tiền 19.940.000 đồng, đã góp 04 lần hụi chết với số tiền 4.000.000 đồng, còn nợ lại 18 lần hụi chết với số tiền 18.000.000 đồng, dây hụi này chị Kim A nợ bà tổng cộng 54.000.000 đồng.

Việc đóng hụi và giao tiền hụi đều không ghi biên nhận, khi giao hụi bà chỉ đưa giấy đăng hụi và giao chị Kim A cất giữ. Anh T (chồng chị Kim A) biết việc chị Kim A tham gia góp hụi vì có lần anh T đến nhà đóng tiền hụi cho bà, có lần bà giao tiền hụi có mặt anh T và chị Kim A và số tiền hốt hụi được sử dụng để làm vốn mua sắt do anh T là thợ vẽ quảng cáo và thợ thầu cửa sắt. Do đã lâu nên bà không nhớ chị Kim A ngưng đóng tiền hụi cho bà vào tháng mấy, chỉ nhớ chị Kim A nợ bà tổng cộng là 66.000.000 đồng. Sau đó, khoảng tháng 02-2021 chị Kim A có trả cho bà 2.000.000 đồng nên hiện tại chị Kim A còn nợ 64.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu vợ chồng chị Kim A, anh T trả cho bà số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim A trình bày: Chị và anh T là vợ chồng, chị thừa nhận có tham gia góp hụi do bà T làm chủ thảo như bà T trình bày, việc đóng hụi và giao tiền hụi đều không ghi biên nhận, khi giao tiền hụi thì bà T có lập giấy giao hụi và đưa chị cất giữ, hiện đã lâu nên chị không còn cất giữ; việc tham gia góp hụi anh T có biết, số tiền hốt hụi chị sử dụng làm vốn buôn bán quần áo, làm vốn mua sắt do anh T làm thợ vẽ quảng cáo và thợ thầu cửa sắt và chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình.

Hiện chị và anh T còn nợ bà T số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng, chị đồng ý cùng anh T trả cho bà T số tiền 64.000.000 đồng nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Kim A là vợ chồng, anh không tham gia góp hụi do bà T làm chủ thảo, anh nghe nói vợ anh là chị Kim A có tham gia nhưng anh không biết tham gia bao nhiêu dây hụi, mỗi dây bao nhiêu tiền và số tiền hốt hụi chị Kim A sử dụng vào mục đích gì thì anh không biết.

Do đó, anh không đồng ý cùng chị Kim A trả cho bà T số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dư Thị Thanh T đối với chị Nguyễn Thị Kim A, anh Nguyễn Văn T về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim A, anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Dư Thị Thanh T số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi suất.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A, anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Kim A, anh T trả số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi". Bị đơn có nơi cư trú tại ấp A1, xã T2, thị xã T3, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T thấy rằng:

[3.1] Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Kim A, anh T trả cho số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng. Chị Kim A thừa nhận có tham gia các dây hụi do bà T làm chủ, việc đóng hụi và giao tiền hụi đều không ghi biên nhận, khi giao tiền hụi thì bà T có lập giấy giao hụi và đưa chị cất giữ, hiện đã lâu nên chị không còn cất giữ; hiện còn nợ lại 64.000.000 đồng tiền hụi chết, cụ thể:

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-11-2019 (dương lịch), mãn ngày 10-8-2021 (dương lịch), gồm 22 phần, tham gia 03 phần (đã chuyển 01 phần cho mẹ ruột), còn nợ số tiền 12.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-02-2020 (dương lịch), mãn ngày 10-11-2022 (dương lịch), gồm 31 phần, tham gia 03 phần, còn nợ lại 54.000.000 đồng.

Tổng cộng vợ chồng chị còn nợ bà T 66.000.000 đồng tiền hụi, tháng 02-2021 chị đã trả cho bà T 2.000.000 đồng nên hiện tại còn nợ 64.000.000 đồng.

[3.2] Chị Kim A trình bày việc tham gia góp hụi anh T có biết, số tiền hốt hụi chị sử dụng làm vốn buôn bán quần áo và làm vốn mua sắt cho anh T kinh doanh vẽ bảng quảng cáo, thợ thầu cửa sắt và chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình. Do đó, chị đồng ý cùng anh T trả cho bà T số tiền nợ hụi 64.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua quá trình làm việc, anh T cho rằng anh không tham gia góp hụi do bà T làm chủ thảo, anh nghe nói vợ anh là chị Kim A có tham gia nhưng anh không biết tham gia bao nhiêu dây hụi, mỗi dây bao nhiêu tiền và số tiền hốt hụi chị Kim A sử dụng vào mục đích gì thì anh không biết nên không đồng ý trả.

[3.3] Xét thấy, anh T và chị Kim A là vợ chồng, việc chị Kim A tham gia góp hụi nhằm mục đích làm vốn kinh doanh và chi tiêu sinh hoạt chung của gia đình nên anh T phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị Kim A trả nợ cho bà T số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng là phù hợp.

Do đó, căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 471 Bộ luật dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; buộc anh T và chị Kim A liên đới trả cho bà T số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi suất.

[4] Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Kim A, anh T phải chịu 64.000.000 đồng x 5% = 3.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dư Thị Thanh T đối với chị Nguyễn Thị Kim A và anh Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim A và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Dư Thị Thanh T số tiền 64.000.000 (sáu mươi bốn triệu) đồng, ghi nhận bà Dư Thị Thanh T không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Nguyễn Văn T phải chịu 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Dư Thị Thanh T số tiền 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0026937 ngày 28-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phương Yến

CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA